

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13-9-2021

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh Thảo.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Kiên Ngọc Minh.

Bà Lê Thị Cảnh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hồng Nhung – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** Ông Huỳnh Thanh Huân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 147/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2021 về “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Anh Nguyễn Văn Tuấn E, sinh năm: 1990 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*).

Địa chỉ: ấp C1, xã ĐX, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

***- Bị đơn:*** Chị Dương Thị Cẩm G, sinh năm: 1994 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*).

Địa chỉ: ấp C2, xã TA, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

***- Con chung của anh Nguyễn Văn Tuấn E và chị Dương Thị Cẩm G là cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 07-8-2013; Cư trú tại: ấp C2, xã TA, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).***

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 02-3-2021, bản tự khai ngày 09-4-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Tuấn E trình bày:***

Về hôn nhân: Anh và chị Dương Thị Cẩm G đi đến hôn nhân do tự quen nhau, được hai bên gia đình đồng ý, tiến hành lễ cưới vào năm 2013, hôn nhân có

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TA ngày 15-3-2013. Nữ trang ngày cưới có đôi bông tai 01 chỉ 24K, quá trình chung sống vợ chồng đã bán để chi tiêu chung nên hiện không còn. Sau ngày cưới anh về sống chung bên vợ, thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc. Đến năm 2019, giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cự cãi với nhau, không còn tin tưởng lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, nên anh và chị G đã sống ly thân từ đó cho đến nay mà không hàn gắn lại được. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nên anh yêu cầu giải quyết cho anh được ly hôn với chị Dương Thị Cẩm G.

Về con chung: Anh và chị Dương Thị Cẩm G chỉ có một con chung là cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 07-8-2013, hiện đang sống chung với chị G. Khi ly hôn, tùy theo nguyện vọng của con chung muốn sống với cha hoặc mẹ đều được, anh chưa đặt vấn đề về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Anh xác định anh và chị Dương Thị Cẩm G không nợ chung của ai, cũng không ai nợ anh chị, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại bản tự khai ngày 10-9-2021, bị đơn chị Dương Thị Cẩm G trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn Tuấn E đi đến hôn nhân do tự quen nhau, cha mẹ hai bên chấp nhận, tổ chức lễ cưới vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nữ trang ngày cưới bên chồng có cho chị đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K và chiếc nhẫn cưới 01 chỉ vàng 24K, nhưng quá trình chung sống vợ chồng chị đã thống nhất bán để sử dụng chung nên hiện không còn. Sau ngày cưới, vợ chồng sống hạnh phúc được đến khoảng giữa năm 2020, do tính tình không hợp dẫn đến thường xuyên cự cãi và sống ly thân nhau cho đến nay. Suốt thời gian ly thân, vợ chồng không hàn gắn lại được. Nay anh Tuấn E yêu cầu ly hôn thì chị cũng đồng ý. Về con chung: Chị đồng ý giải quyết theo nguyện vọng của con chung là cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 07-8-2013 muốn sống với cha hoặc mẹ đều được, chưa đặt vấn đề về cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Chị xác định chị và anh Tuấn E quá trình chung sống không tạo lập tài sản chung, không có nợ chung phải thu, phải trả. Chị thống nhất với các chứng cứ anh Tuấn E đã nộp kèm theo đơn khởi kiện mà Tòa án đã công khai cho chị được biết, riêng chị không cung cấp chứng cứ gì cho Tòa án.

*\* Tại Đơn tự khai và yêu cầu giải quyết - xét xử vắng mặt ngày 26-4-2021, cháu Nguyễn Đăng K trình bày:* Cha mẹ cháu là Nguyễn Văn Tuấn E và Dương Thị Cẩm G. Từ nhỏ đến nay cháu sống chung với mẹ. Trường hợp cha mẹ cháu ly hôn, thì nguyện vọng của cháu là muốn được sống chung với mẹ, vì cháu sống với mẹ đã quen.

*\* Tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Văn Tuấn E, chị Dương Thị Cẩm G cùng cháu Nguyễn Đăng K có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên không có lời trình bày.*

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự; đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đề nghị áp dụng các Điều 19, 51, 54, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Tuấn E: Cho anh Tuấn E được ly hôn với chị Dương Thị Cẩm G; Về con chung: tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 07-8-2013 giao cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của cháu K là muốn sống với mẹ; Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị G chưa đặt ra yêu cầu, nên không xem xét; Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này; Về tài sản chung và nợ chung: Cả anh Tuấn E và chị G cùng xác định không có, nên không xem xét giải quyết. Ngoài ra, Vị đề nghị nguyên đơn có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện C nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Nguyễn Văn Tuấn E là nguyên đơn và chị Dương Thị Cẩm G là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án nhân dân huyện C triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử vụ án vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 13-9-2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, nhưng anh Tuấn E, chị G cùng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Tuấn E, chị G theo luật định.

[2] *Về hôn nhân:* Anh Nguyễn Văn Tuấn E và chị Dương Thị Cẩm G xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TA ngày 15-3-2013, nên hôn nhân giữa anh Tuấn E, chị G là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, anh chị chung sống hạnh phúc được thời gian dài hơn 06 năm thì sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do những bất đồng quan điểm trong cuộc sống

chung, tính tình không hợp, nên anh chị đã sống ly thân nhau cho đến nay mà không hàn gắn lại được.

[3] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,...*”, nhưng anh Tuấn E và chị G đã không thực hiện được các nghĩa vụ này với nhau. Hiện tại, anh, chị mỗi người mỗi việc, sống ở hai nơi khác nhau, không còn quan tâm, cũng không liên hệ để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[4] Tòa án đã tiến hành hòa giải vào các ngày 19-4-2021, 10-5-2021, nhưng chị G đều vắng mặt không lý do; Tại bản tự khai ngày 10-9-2021, chị G thể hiện ý kiến là đồng ý ly hôn với anh Tuấn E do vợ chồng không thể hàn gắn lại được; Chị thống nhất Tòa án đưa vụ án ra xét xử, vì chị phải đi làm ở xa, không thể đến Tòa án tham dự hòa giải với anh Tuấn E được.

[5] Từ những nhận định trên, thấy rằng đời sống chung của vợ chồng anh Tuấn E và chị G đang trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do đó, yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Nguyễn Văn Tuấn E là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nên Tòa án chấp nhận yêu cầu, cho anh Tuấn E được ly hôn với chị G.

[6] *Về con chung*: Anh Nguyễn Văn Tuấn E và chị Dương Thị Cẩm G có một người con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 07-8-2013, hiện đang sống chung với chị G. Khi ly hôn, anh Tuấn E đồng ý giải quyết theo nguyện vọng của cháu K muốn sống chung với cha hoặc mẹ đều được. Tại Đơn tự khai ngày 26-4-2021, cháu K nêu nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ trường hợp khi giải quyết cha mẹ ly hôn. Tại các Biên bản tiếp xúc và xác minh cùng ngày 07-7-2021 của Tòa án với chính quyền địa phương ấp C2 - xã TA đều cho biết trong thời gian anh Tuấn E, chị G sống ly thân nhau thì con chung sống với mẹ (là chị G) bên nhà ngoại, được chị G chăm sóc, nuôi dưỡng tốt cho đến nay. Do đó, cần xử cho chị G được quyền nuôi con là phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của con chung. Vì chị G chưa yêu cầu anh Tuấn E cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về tài sản chung*: Tòa án đã giải thích theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nhưng anh Nguyễn Văn Tuấn E và chị Dương Thị Cẩm G cùng thống nhất xác định không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[8] *Về nợ chung*: Do anh Nguyễn Văn Tuấn E và chị Dương Thị Cẩm G cùng thống nhất xác định không nợ ai, cũng không ai nợ anh chị, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[9] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Anh Nguyễn Văn Tuấn E có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 70, 144, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Tuấn E.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Cho anh Nguyễn Văn Tuấn E được ly hôn với chị Dương Thị Cẩm G.

**2. Về con chung:** Giao con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 07-8-2013 cho chị Dương Thị Cẩm G tiếp tục nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của con chung là muốn được sống chung với mẹ.

**Về cấp dưỡng nuôi con:** Chị Dương Thị Cẩm G chưa đặt ra yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

**3. Về tài sản chung:** Anh Nguyễn Văn Tuấn E và chị Dương Thị Cẩm G thống nhất xác định không có tài sản chung, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**4. Về nợ chung:** Anh Nguyễn Văn Tuấn E và chị Dương Thị Cẩm G thống nhất xác định không nợ ai, cũng không ai nợ anh chị, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** Anh Nguyễn Văn Tuấn E phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0004296 ngày 31-3-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã TA;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Thảo**